| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>KHU VỰC 1 - HÀ NỘI | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| **Số: 408/2025/QĐST-HNGĐ** | *Hà Nội, ngày 17 tháng 09 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

---

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 326/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu:***

**1. Anh N.X.B,** sinh năm 1984; Căn cước số 00108400xxxx do Bộ Công an cấp ngày 22/07/2024; HKTT và nơi ở: Tổ A, phường C, quận B, thành phố Hà Nội *(nay là phường N, thành phố Hà Nội)*.

**2. Chị N.T.M,** sinh năm 1992; CCCD số 00119202xxxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021; HKTT và nơi ở: Tổ A, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội *(nay là phường K, thành phố Hà Nội)*.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Anh N.X.B và chị N.T.M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100/2023, ngày 20/09/2023. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Anh N.X.B và chị N.T.M yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/09/2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh N.X.B và chị N.T.M không có con chung.

[4]. Về tài sản và nhà ở chung: Anh N.X.B và chị N.T.M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Anh N.X.B và chị N.T.M không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về lệ phí tòa án: Chị N.T.M tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N.X.B và chị N.T.M.

- Về con chung: Anh N.X.B và chị N.T.M không có con chung.

- Về tài sản và nhà ở chung: Anh N.X.B và chị N.T.M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh N.X.B và chị N.T.M không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N.T.M tự nguyện chịu cả 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006534 ngày 08/09/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***
- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

*(đã ký)*

**Đặng Thu Phương**